

Số: 260 /BC-UBND

Đắk Nông, ngày 24 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Về việc tiếp thu, giải trình kết luận của Thường trực HĐND tỉnh và ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Kết luận Phiên họp thứ 29 Thường trực HĐND tỉnh khóa IV tại Thông báo số 16/TB-HĐND ngày 22/4/2023 và ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tại Báo cáo số 16/BC-HĐND ngày 21/4/2023 đối với Tờ trình, dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (*Dự thảo Nghị quyết*); Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, làm rõ thêm một số nội dung, cụ thể như sau:

1. Đối với ý kiến: “Tại điểm (a) khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết quy định thêm nội dung hỗ trợ theo khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, nội dung này là quy định chi tiết theo khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ và 02 Nghị định này có phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, mức hỗ trợ và nội dung hỗ trợ có một số điểm khác nhau. Do đó, đề nghị rà soát, chỉnh sửa nội dung này đảm bảo thống nhất và đúng các nội dung hỗ trợ theo quy định”

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và chỉnh sửa tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết.

2. Đối với ý kiến: “Tại điểm (b) khoản 3 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết quy định:

- “Đối với dự án, kế hoạch liên kết trong phạm vi từ 02 huyện/thành phố trở lên: Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ đến các cơ quan cấp tỉnh chủ trì

dự án thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia...”: Để tăng cường cải cách hành chính, rút ngắn thời gian các thủ tục hành chính, đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu việc nộp hồ sơ thông qua Trung tâm hành chính công hoặc Bộ phận 01 cửa tại các huyện, thành phố để người dân và các doanh nghiệp không phải đến từng cơ quan hành chính để nộp hồ sơ. Đồng thời, mỗi cơ quan hành chính sau khi nhận hồ sơ sẽ thành lập 01 hội đồng thẩm định sẽ tốn nhiều thời gian và bộ máy công kênh. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, giao cho 01 đơn vị chủ trì thành lập hội đồng thẩm định để đảm bảo thống nhất, tiết kiệm và hiệu quả hơn.

- “*Đối với dự án, kế hoạch liên kết phạm vi 01 huyện/thành phố: Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sau khi nhận hồ sơ đề nghị dự án hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ đến các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia*”: Điều này sẽ tốn kém thời gian trình lên cấp tỉnh xem xét, thẩm định, phê duyệt. Do đó, để đảm bảo việc giải ngân nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia kịp thời, tăng cường phân cấp, phân quyền và cải cách thủ tục hành chính, đề nghị bỏ nội dung gửi hồ sơ đến các cơ quan cấp tỉnh và giao cho UBND huyện thành lập hội đồng thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết. Đồng thời, nếu bỏ nội dung này sẽ phải điều chỉnh lại các nội dung tại điểm (c) và (d) khoản 3 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết cho phù hợp thẩm quyền.”

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và chỉnh sửa như sau:

Theo quy định tại điểm b) khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP¹ ngày 19/4/2022 thì cơ quan chủ quản chương trình (UBND cấp tỉnh) thành lập Hội đồng thẩm định, chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo UBND cấp tỉnh hoặc lãnh đạo Sở, ban, ngành theo ủy quyền (không quy định ủy quyền cho UBND cấp huyện). Đồng thời, tại các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành Trương ương không quy định ủy quyền UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết, cụ thể: tại điểm b) khoản 4 Điều 19 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc², tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế³, tại điểm b) khoản 2

¹ Cơ quan chủ quản chương trình theo thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng. Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh hoặc lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, lãnh đạo sở, ban, ngành theo ủy quyền; các thành viên là lãnh đạo UBND cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

² Nội dung hồ sơ, trình tự thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh.

³ Quy trình lựa chọn dự án được liệu quý được thực hiện quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022.

Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội⁴.

Tuy nhiên, để đảm bảo việc giải ngân nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia kịp thời, đồng thời để đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 3, Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi nội dung Dự thảo Nghị quyết như sau: thành lập 01 Hội đồng thẩm định cấp tỉnh đối với dự án, kế hoạch liên kết phạm vi từ 02 huyện/thành phố trở lên do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu và 01 Hội đồng thẩm định cấp huyện đối với dự án, kế hoạch liên kết phạm vi 01 huyện/thành phố; Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết phạm vi 01 huyện/thành phố có quy mô vốn đầu tư từ 05 tỷ đồng trở lên, Hội đồng thẩm định cấp huyện mời các Sở, Ban, ngành có liên quan tham gia khảo sát, thẩm định (*Nội dung này đã được quy định tại Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 25/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*). Nội dung tiếp thu được chỉnh sửa tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết.

3. Đối với ý kiến: “Để tăng cường việc kiểm soát các thủ tục hành chính và tránh việc thẩm định kéo dài thời gian gây tốn kém, đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm quy định thời gian thẩm định không quá 15 ngày làm việc (kể cả thời gian đi khảo sát thực tế) tại các điểm (c) khoản 3 Điều 3 và điểm (c) khoản 3 Điều 4 Dự thảo Nghị quyết”: Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và bổ sung hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

4. Để tránh việc thường xuyên sửa đổi, cập nhật các mẫu hồ sơ, đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Dự thảo Nghị quyết quy định “*Trường hợp, các hồ sơ, biểu mẫu do Trung ương có hướng dẫn thay đổi, cập nhật, giao UBND tỉnh chủ động ban hành văn bản cập nhật, điều chỉnh để hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai kịp thời và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất*”: Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và bổ sung hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

⁴ Bước 2: Thẩm định dự án

Đơn vị chủ trì liên kết gửi hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đến cơ quan chủ quản chương trình xem xét, thẩm định. Cơ quan chủ quản chương trình theo thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng. Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, lãnh đạo sở, ban, ngành theo ủy quyền; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

5. Đối với ý kiến: “Bổ cục Dự thảo Nghị quyết nên đưa các Điều 1, 2, 3, 4 và 5 thành Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết sẽ dễ nhìn, dễ đọc hơn”: Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã hoàn chỉnh Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (*Dự thảo Nghị quyết đính kèm*).

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh; Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc;
- Các Sở: YT, NN&PTNT, LĐ-TB&XH;
- UBND các huyện, TP;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT, KGVX, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Lê Văn Chiến



Số: /2023/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hồ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chủ động ban hành văn bản cập nhật, điều chỉnh khi các biểu mẫu, hồ sơ do Trung ương hướng dẫn quy định tại Nghị quyết này có thay đổi, điều chỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa IV, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7 thông qua ngày ...tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, NN&PTNT, LĐ-TB&XH;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các: Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ-Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Nội dung hỗ trợ

a) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Thực hiện theo điểm đ khoản 1 Điều 10 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025:

Nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: Thực hiện theo khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

c) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện theo khoản 3 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Thực hiện theo Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Mẫu hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Thực hiện theo Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP; riêng nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 thực hiện theo Mẫu B1.1, B1.2, B1.3, B1.4, B1.5, B1.6, B1.7 Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT.

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Xây dựng dự án

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án, kế hoạch liên kết theo mẫu hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này;

Hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Nộp hồ sơ

Đối với dự án, kế hoạch liên kết phạm vi từ 02 huyện/thành phố trở lên: Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

Đối với dự án, kế hoạch liên kết phạm vi 01 huyện/thành phố: Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sau khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả chuyển hồ sơ về Phòng chuyên môn cấp huyện được giao chủ trì dự án thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia tham mưu, giải quyết.

c) Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị tiếp nhận hồ sơ tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định, bộ phận giúp việc cho Hội đồng và tổ chức thẩm định; Thành phần Hội đồng thẩm định, gồm:

Đối với dự án, kế hoạch liên kết phạm vi từ 02 huyện/thành phố trở lên: Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ủy quyền lãnh đạo cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia; các thành viên: lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết; lãnh đạo các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; các Sở, ngành chuyên môn hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết);

Đối với dự án, kế hoạch liên kết phạm vi 01 huyện/thành phố: Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc ủy quyền lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn cấp huyện được giao chủ trì dự án thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án/kế hoạch liên kết, đại diện phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng, đơn vị chuyên môn hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết); Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết có quy mô vốn đầu tư từ 05 tỷ đồng trở lên, Hội đồng thẩm định cấp huyện mời các Sở, Ban, ngành có liên quan tham gia thành viên Hội đồng.

d) Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết phạm vi từ 02 huyện/thành phố trở lên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết phạm vi 01 huyện/thành phố; Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

Nội dung quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 4. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Nội dung hỗ trợ

a) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện theo khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH;

Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Thực hiện theo Điều 5, Điều 6, điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; điểm c, e, g khoản 3 Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

2. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất

a) Biên bản họp dân (Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Quy định này).

b) Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Quy định này).

c) Đơn đề nghị dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Quy định này).

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng

a) Xây dựng dự án, phương án sản xuất

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai để xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Nộp hồ sơ

Cộng đồng dân cư nộp hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

c) Thẩm định dự án: Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và tổ chức thẩm định.

d) Phê duyệt dự án

Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất; Trường hợp dự án, phương án sản xuất không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Nội dung quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 5. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

Việc thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

1. Nội dung hỗ trợ

a) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện theo khoản 3 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH;

Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Thực hiện theo Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo điểm b (đối với Nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị) khoản 1 Điều 3; điểm b khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Mẫu hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Thực hiện theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu

a) Xây dựng, phê duyệt dự án: Thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

b) Quy trình, thủ tục lựa chọn đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ về Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên./.

Phụ lục**MẪU HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

(Ban hành kèm theo Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông)

Mẫu số 01	Biên bản họp dân
Mẫu số 02	Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 03	Đơn đề nghị dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Mẫu số 01: Biên bản họp dân

UBND XÃ.....
Thôn/Bon

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....ngày tháng...năm.....

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, ngày tháng năm, tại tổ chức họp nhân dân để thảo luận lựa chọn nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia

I. Chủ trì cuộc họp:

- Chủ trì cuộc họp: Ông (bà).....Chức vụ:.....
- Thư ký cuộc họp: Ông (bà).....Chức vụ:.....

II. Thành phần tham gia:

- Đại diện UBND xã:

Ông/ bà..... chức vụ.....
Ông/ bà..... chức vụ.....

- Đại diện khác:

- Số hộ tham gia:.....hộ là các hộ sinh sống trên địa bàn.

III. Nội dung cuộc họp

1. Phổ biến dự án: Tên dự án, điều kiện, chính sách, nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; định mức kinh tế kỹ thuật, mức chi hỗ trợ dự án...

2. Thông báo phương án thực hiện dự án, hỗ trợ của nhà nước, thống nhất về việc đóng góp của thành viên tổ cộng đồng; Thống nhất tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ, số tiền phải thu nộp và thời gian thu nộp.

3. Đối tượng tham gia dự án

- Ý kiến bình xét đối tượng đủ điều kiện tham gia dự án: (nêu cụ thể các ý kiến bình xét của các thành phần tham gia cuộc họp)

- Số đối tượng được lựa chọn tham gia dự án: hộ, trong đó: (nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác, ...).

Lưu ý: Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70%

người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo (theo quy định tại khoản 5, Điều 20, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP).

- Sau khi triển khai và thảo luận chúng tôi thống nhất thành lập tổ/nhóm cộng đồng (tên tổ/ nhóm cộng đồng) tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất..... do ông/bà..... Tổ trưởng/trưởng nhóm làm đại diện. Tổ/nhóm cộng đồng..... gồmthành viên danh sách cụ thể như sau:

Stt	Tên thành viên tham gia dự án	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ	Thuộc đối tượng (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, hộ khác)	Nội dung đề nghị hỗ trợ	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Trong đó		Ký xác nhận hoặc điểm chỉ	Ghi chú
								Đề nghị nhà nước hỗ trợ	Đối ứng của hộ		

4. Nội dung cam kết của đối tượng tham gia dự án:.....

5. Nội dung khác (nếu có).

IV. Kết luận

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, cuộc họp thống nhất để cộng đồng dân cư xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đề nghị dự án/phương án sản xuất trình các cấp có thẩm quyền theo quy định (Có danh sách kèm theo).

Cuộc họp đã kết thúc vào giờ cùng ngày, đọc lại cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất nội dung biên bản./.

Thư ký
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện tổ/nhóm cộng đồng
Tổ trưởng/trưởng nhóm
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND xã
(ký, đóng dấu)

Chủ trì
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02: Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG
thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.....

Tên dự án, phương án:

1. Đại diện cộng đồng dân cư:

Người đại diện

Chức vụ:

CMTND/CCCD..... ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

2. Mục tiêu dự án:

a) Mục tiêu chung:.....

b) Mục tiêu cụ thể: Dự kiến kết quả đạt được sau chu kỳ sản xuất (sản phẩm, thu nhập, nhận thức của đối tượng tham gia dự án...); các đối tượng tham gia dự án là hộ nghèo, hộ cận nghèo mục tiêu có hộ thoát nghèo và hộ thoát cận nghèo (nếu có).

3. Đối tượng tham gia dự án: hộ, trong đó: (nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác,...)

(Có danh sách các đối tượng được lựa chọn tham gia dự án kèm theo).

4. Thời gian triển khai:

5. Địa bàn triển khai dự án:

6. Nội dung hoạt động của dự án

6.1. Nội dung hoạt động hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, gồm:

.....

6.2. Nội dung hoạt động sử dụng từ các nguồn kinh phí khác

- Nội dung hoạt động sử dụng kinh phí đóng góp của cộng đồng:

.....

- Nội dung hoạt động sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác:

.....
 7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là: đồng
- Kinh phí đóng góp của cộng đồng: đồng
- Huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác: ... đồng

(Dự toán chi tiết kèm theo)

8. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng

- a) Tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ: %.
- b) Thời gian thu, nộp:
- c) Cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng:

9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả của dự án (về kinh tế, xã hội, môi trường):

10. Trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp: (nêu rõ trách nhiệm của các bên có liên quan).....

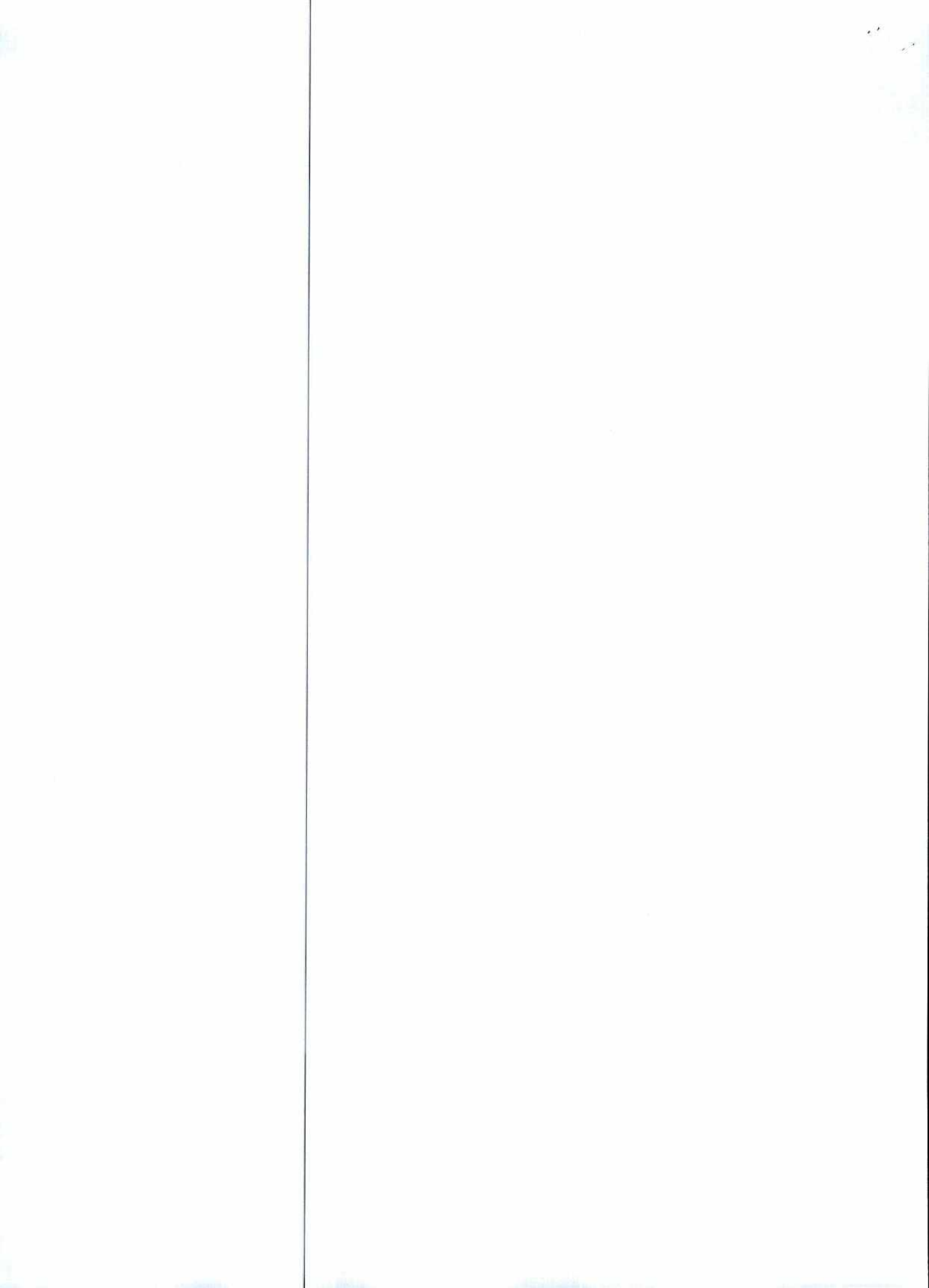
11. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết:

12. Tổ chức thực hiện dự án:

13. Các nội dung liên quan khác

Kính đề nghị xem xét, phê duyệt dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia/.

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)



Mẫu số 03: Đơn đề nghị dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình
mục tiêu quốc gia

Kính gửi:

Tổ, nhóm cộng đồng:

Người đại diện:

Chức vụ:.....

CMND/CCCD số:.....ngày cấpnơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền) thẩm định và phê duyệt dự án, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:.....

2. Địa bàn thực hiện:

3. Thời gian thực hiện:

4. Kinh phí thực hiện:

II. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Nội dung đề nghị hỗ trợ của nhà nước:

2. Nội dung đối ứng:

III. CAM KẾT:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Tuân thủ các quy định của dự án, hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước.

3. Đối ứng các khoản kinh phí thực hiện dự án ngoài khoản hỗ trợ của ngân sách nhà nước.

4. Chấp hành thu nộp tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ theo quy định.

5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):...../.

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG

(Ký, ghi họ tên)

Số: 16 /BC-HĐND

Đắk Nông, ngày 2/tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định và sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, ngày 13/4/2023 Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức họp thẩm tra Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 1766/TTr-UBND ngày 07/4/2023. Tham dự cuộc họp gồm: Đại diện Thường trực HĐND tỉnh, Đại diện Lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh, các Ủy viên Ban Kinh tế - Ngân sách, Lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh, Lãnh đạo các Sở, ngành có liên quan và Lãnh đạo UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa. Qua ý kiến các đại biểu tham dự họp, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ điểm (d) khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định¹ cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và để kịp thời giải ngân nguồn vốn các chương trình MTQG trên địa bàn, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành "Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông" là cần thiết và đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, đến nay mới hoàn thiện dự thảo nghị quyết để trình HĐND tỉnh là chậm gần 01 năm sau khi Nghị định trên ban hành.

II. Sự phù hợp của Dự thảo Nghị quyết với đường lối chủ trương của đảng chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương

¹ Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định "Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23, Nghị định này" (Điều 21 hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, Điều 22 hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và Điều 23 hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ).

Các nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tại Dự thảo Nghị quyết này được xây dựng trên cơ sở quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư có liên quan. Nội dung Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo sát với tình hình thực tế tại địa phương; tuân thủ trình tự, thủ tục theo thẩm quyền. Đồng thời, Dự thảo Nghị quyết đã được cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương và đăng tải công thông tin điện tử của UBND tỉnh theo quy định. Do đó, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết trên là phù hợp với với đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương.

III. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của Dự thảo Nghị quyết

Thể thức, bố cục của Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo với các quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, qua xem xét nội dung của Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh rà soát, nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa 05 nội dung tại cuộc họp thẩm tra; đồng thời, tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh thứ 29 cũng thống nhất với các ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, cụ thể:

1. Tại điểm (a) khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết quy định thêm nội dung hỗ trợ theo khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, nội dung này là quy định chi tiết theo khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ và 02 Nghị định này có phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, mức hỗ trợ và nội dung hỗ trợ có một số điểm khác nhau². Do đó, đề nghị rà soát, chỉnh sửa nội dung này đảm bảo thống nhất, đồng bộ và đúng các nội dung hỗ trợ theo quy định.

2. Tại điểm (b) khoản 3 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết quy định:

- “*Đối với dự án, kế hoạch liên kết trong phạm vi từ 02 huyện/thành phố trở lên: Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ đến các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia...*”: Đề tăng cường cải cách hành chính, rút ngắn thời gian các thủ tục hành chính, đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu việc nộp hồ sơ thông qua Trung tâm hành chính công hoặc Bộ phận 01 cửa tại các huyện, thành phố để người dân và các doanh nghiệp không phải đến từng cơ quan hành chính để nộp hồ sơ. Đồng thời, mỗi cơ quan hành chính sau khi nhận hồ sơ sẽ thành lập 01 hội đồng thẩm định sẽ tốn nhiều thời gian và bộ máy công kênh. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, giao cho 01 đơn vị chủ trì thành lập hội đồng thẩm định để đảm bảo thống nhất, tiết kiệm và hiệu quả hơn.

- “*Đối với dự án, kế hoạch liên kết phạm vi 01 huyện/thành phố: Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sau khi nhận hồ sơ để*

² Như: Về nội dung theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP và khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND khác so với khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP là có thêm nội dung hỗ trợ hạ tầng phục vụ dự án liên kết với mức NSNN hỗ trợ là 30% và tối đa không quá 10 tỷ đồng, mức hỗ trợ này sẽ mâu thuẫn với Dự thảo Nghị quyết tại Tờ trình số 1574/TTr-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh.

ngợi dự án hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ đến các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia”: Điều này sẽ tốn kém thời gian trình lên cấp tỉnh xem xét, thẩm định, phê duyệt. Do đó, để đảm bảo việc giải ngân nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia kịp thời, tăng cường phân cấp, phân quyền và cải cách thủ tục hành chính, đề nghị bỏ nội dung gửi hồ sơ đến các cơ quan cấp tỉnh và giao cho UBND huyện thành lập hội đồng thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết³. Đồng thời, nếu bỏ nội dung này sẽ phải điều chỉnh lại các nội dung tại điểm (c) và (d) khoản 3 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết cho phù hợp thẩm quyền⁴.

3. Để tăng cường việc kiểm soát các thủ tục hành chính và tránh việc thẩm định kéo dài thời gian gây tốn kém, đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm quy định thời gian thẩm định không quá 15 ngày làm việc (kể cả thời gian đi khảo sát thực tế) tại các điểm (c) khoản 3 Điều 3 và điểm (c) khoản 3 Điều 4 Dự thảo Nghị quyết.

4. Để tránh việc thường xuyên sửa đổi, cập nhật các mẫu hồ sơ, đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Dự thảo Nghị quyết quy định “*Trường hợp, các hồ sơ, biểu mẫu do Trung ương có hướng dẫn thay đổi, cập nhật, giao UBND tỉnh chủ động ban hành văn bản cập nhật, điều chỉnh để hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai kịp thời và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất*”.

5. Ngoài ra, bố cục Dự thảo Nghị quyết nên đưa các Điều 1, 2, 3, 4 và 5 thành Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết sẽ dễ nhìn, dễ đọc hơn.

IV. Kết luận và kiến nghị

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Dự thảo Nghị quyết trên là cần thiết, đúng thẩm quyền, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và điều kiện thực tế của địa phương. Tuy nhiên, trước khi trình HĐND tỉnh xem xét thông qua tại Kỳ họp chuyên đề lần thứ 7 HĐND tỉnh khóa IV nhiệm kỳ 2021 - 2026, đề nghị UBND tỉnh có báo cáo giải trình, tiếp thu chỉnh sửa và hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết trên cơ sở các ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã nêu ở mục (III) phần trên.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các đại biểu tham dự Kỳ họp;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo các phòng chuyên môn;
- Công khai trên Website cơ quan;
- Lưu VT, HSKH (vh).

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đình Đạo

³ Điều này cũng phù hợp với quy định cho phép ủy quyền tại điểm (b) khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ và tham khảo một số địa phương cũng giao cho cấp huyện chủ động thực hiện nội dung trên.

⁴ Lưu ý: Đối với một số dự án, kế hoạch có tính chất phức tạp hoặc quy mô lớn yêu cầu Hội đồng thẩm định cấp huyện mời thêm một số Sở, Ban, ngành có liên quan tham gia khảo sát, thẩm định để đảm bảo chất lượng.

Số: 16 /TB-HĐND

Đắk Nông, ngày 22 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Kết luận Phiên họp thứ 29 Thường trực HĐND tỉnh Khóa IV

Ngày 20/4/2023, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức Phiên họp thứ 29 để xem xét, giải quyết các nội dung phát sinh giữa hai kỳ họp; nghe các Ban HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra các đề án, dự thảo nghị quyết trình Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7 và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.

Chủ trì Phiên họp: Đồng chí Lưu Văn Trung – Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh.

Tham dự Phiên họp có các đồng chí Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh, đại diện lãnh đạo UBND tỉnh (*đồng chí Lê Văn Chiến – UVBTV TU, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, đ/c Lê Trọng Yên – TUV, Phó Chủ tịch UBND tỉnh*), lãnh đạo các Ban của HĐND tỉnh, lãnh đạo Văn phòng: Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh và lãnh đạo các Sở, ngành liên quan.

Sau khi nghe các Ban HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra các nội dung phát sinh giữa hai kỳ họp do UBND tỉnh trình; kết quả thẩm tra các đề án, dự thảo nghị quyết trình Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7; ý kiến tiếp thu, giải trình của các sở, ngành có liên quan và UBND tỉnh; ý kiến thảo luận của các đồng chí tham dự Phiên họp, Thường trực HĐND tỉnh thống nhất kết luận như sau:

1. Đối với nội dung phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh

1.1. Tờ trình số 1905/TTr-UBND ngày 13/4/2023 của UBND tỉnh về việc bổ sung dự toán năm 2023

Để kịp thời bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, Thường trực HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với đề xuất bổ sung dự toán năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị tại Tờ trình nêu trên. Riêng việc bổ sung dự toán năm 2023 cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội để chi trả kinh phí các đối tượng hợp đồng 68 với số tiền là 180 triệu đồng và bổ sung dự toán cho Ban Quản lý Công viên địa chất Đắk Nông với số tiền là 52,9 triệu đồng, đề nghị UBND tỉnh chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách tỉnh để bổ sung dự toán kịp thời (*vì đây là những nhiệm vụ chi có tính chất nhỏ, lẻ, mới phát sinh năm 2023 và không phải là các nhiệm vụ, chính sách đặc thù phát sinh khác của địa phương*). UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan tham mưu rút kinh nghiệm trong việc tham mưu sử dụng

nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo phù hợp, đúng quy định về nội dung chi và nhiệm vụ chi.

1.2. Tờ trình số 1972/TTr-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của các cơ quan, đơn vị

Thông nhất điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để bổ sung cho Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh với số tiền là 2.693 triệu đồng tại Tờ trình nêu trên. UBND tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu đề xuất, triển khai kịp thời, hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

2. Đối với các tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết trình Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7 – HĐND tỉnh

2.1. Tờ trình số 1574/TTr-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh về Dự thảo nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thường trực HĐND tỉnh thông nhất với Dự thảo Báo cáo thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua. Tuy nhiên, để dự thảo nghị quyết ban hành chặt chẽ, thống nhất và có tính khả thi cao, đề nghị UBND tỉnh một số nội dung sau:

- Việc xây dựng nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (viết tắt là CTMTQG) trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo nguyên tắc thống nhất, đồng bộ chung giữa các quy định pháp luật và các Nghị quyết HĐND tỉnh đã ban hành.

- Chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ban KT-NS rà soát Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 và Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh, trường hợp các nghị quyết trên không còn phù hợp với các quy định hiện hành thì đề nghị bãi bỏ toàn bộ các nghị quyết, trường những nội dung còn hiệu lực, phù hợp với thực tiễn thì tiếp tục thực hiện mà chỉ bãi bỏ những nội dung không còn phù hợp.

- Về hỗ trợ xây mới nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các huyện nghèo là 70 triệu đồng (ngân sách trung ương hỗ trợ 40 triệu đồng, ngân sách địa phương hỗ trợ 30 triệu đồng), đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung như sau “*ngân sách trung ương hỗ trợ 40 triệu đồng, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác hỗ trợ 30 triệu đồng*”.

Giao UBND tỉnh tiếp thu, có báo cáo giải trình ý kiến thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và chủ động phối hợp rà soát, hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh thông qua.

2.2. Tờ trình số 1765/TTr-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định về cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025

- Việc xây dựng và ban hành nghị quyết nêu trên là cần thiết, phù hợp với quy định pháp luật nhằm huy động tối đa các nguồn lực ngoài ngân sách, làm cơ sở cho các địa phương lập kế hoạch, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư các CTMTQG trên địa bàn tỉnh, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ nghị quyết Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã đề ra. Tuy nhiên, dự thảo nghị quyết chưa tổ chức khảo sát và lấy ý kiến cấp xã là chưa phù hợp, vì đây là những đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết. Ngoài ra, cơ quan soạn thảo xây dựng nghị quyết theo trình tự thủ tục rút gọn nhưng chưa có ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh là chưa đảm bảo quy định tại khoản 4 Điều 147 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chưa có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Quy chế số 02-QC/TU ngày 10/12/2020 của Tỉnh ủy.

- Về nội dung dự thảo nghị quyết và quy định cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện các CTMTQG: Thường trực HĐND tỉnh cơ bản thống nhất nội dung quy định tại Chương I, Chương II của dự thảo nghị quyết. Tuy nhiên, đối với Chương III về cơ chế hỗ trợ thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, Thường trực HĐND tỉnh có một số ý kiến như sau:

(1) Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo nghiên cứu, đánh giá kỹ kết quả thực hiện Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh Đắk Nông quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các CTMTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 (nay đã hết hiệu lực), đối với những nội dung thực hiện có hiệu quả, còn phù hợp với thực tiễn, tạo được sự đồng thuận cao của Nhân dân, như việc hỗ trợ vật liệu xây dựng giao thông nông thôn... thì tiếp thu, kế thừa đưa vào dự thảo nghị quyết mới.

(2) Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp để hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh xem xét thông qua tại kỳ họp này, trường hợp chuẩn bị nội dung chưa kỹ, chưa đảm bảo quy trình, thủ tục quy định đề nghị UBND tỉnh trình kỳ họp sau.

(3) Thường trực HĐND tỉnh thống nhất việc xây dựng nội dung dự thảo nghị quyết theo quy trình thủ tục rút gọn như đề xuất của UBND tỉnh.

2.3. *Tờ trình số 1756/TTr-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022, năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*

Thông nhất với Dự thảo Báo cáo thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết nêu trên. Đề nghị UBND tỉnh có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban và chủ động phối hợp hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

2.4. *Tờ trình số 1767/TTr-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020*

Thông nhất với kết quả thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh tại Báo cáo số 12/BC-HĐND ngày 19/4/2023 và trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết. Giao cơ quan soạn thảo phối hợp với Ban Pháp chế hoàn chỉnh nghị quyết trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

2.5. *Tờ trình số 1875/TTr-UBND ngày 13/4/2023 của UBND tỉnh về việc đề nghị bổ sung danh mục và ban hành các Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư phát triển*

- Thông nhất với dự thảo Báo cáo kết quả thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và trình HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh, phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư phát triển. Tuy nhiên, UBND tỉnh lưu ý việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt phải đảm bảo sự cần thiết, phù hợp với quy hoạch, đồng thời chịu trách nhiệm về tính khả thi, hiệu quả của dự án.

- Riêng đối với việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến B4 – Liên tỉnh IV tại Nậm Nung, tỉnh Đắk Nông giai đoạn 1, nội dung đề xuất điều chỉnh thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, do đó đề nghị UBND tỉnh thực hiện theo đúng thẩm quyền theo quy định.

- Đối với đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ làm chủ đầu tư các dự án Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đắk Nông và dự án Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy từ Văn phòng Tỉnh ủy sang Ban tổ chức và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với đề xuất của UBND tỉnh. Đề nghị UBND tỉnh khẩn trương hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp.

- Giao UBND tỉnh có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và phối hợp hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

2.6. Tờ trình số 1935/TTr-UBND ngày 14/4/2023 của UBND tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023 của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thông nhất với dự thảo Báo cáo kết quả thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và trình HĐND tỉnh xem xét thông qua. Đề nghị UBND tỉnh có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và phối hợp hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trước khi trình HĐND tỉnh thông qua. Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, thành phố bố trí đủ vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

2.7. Tờ trình số 1766/TTr-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thông nhất với Dự thảo Báo cáo thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua. UBND tỉnh có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và chủ động phối hợp hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

2.8. Tờ trình số 1296/TTr-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Trên cơ sở đề xuất bổ sung đối tượng là người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo ngoài vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ được hỗ trợ 500.000 đồng/người/chương trình tại Báo cáo số 12/BC-HĐND ngày 11/4/2023 của Ban VH-XH HĐND tỉnh, ý kiến thống nhất của đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh và thành viên Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp. Thường trực HĐND tỉnh thống nhất như sau:

- Thống nhất bổ sung đối tượng trên vào dự thảo nghị quyết, kinh phí thực hiện do ngân sách địa phương đảm bảo.

- Đối với kinh phí hỗ trợ người dân thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ (500.000 đồng/người/chương trình). Trường hợp sau năm 2025 Chương trình mục tiêu quốc gia không tiếp tục hỗ trợ nội dung trên, thì ngân

sách địa phương đảm bảo nhằm thực hiện mục tiêu, hiệu quả của Đề án xã hội học tập giai đoạn 2021-2030.

Đề nghị UBND tỉnh có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban VH-XH và kết luận của Thường trực HĐND tỉnh, hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trước khi trình HĐND tỉnh thông qua. UBND tỉnh chịu trách nhiệm về hồ sơ dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh và cụ thể hóa nghị quyết sau khi ban hành, đảm bảo cân đối, bố trí đủ nguồn lực thực hiện nghị quyết hiệu quả.

3. Về dự thảo Nghị quyết kết quả giám sát chuyên đề HĐND tỉnh về việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng đất đai thu hồi từ các Công ty nông, lâm nghiệp; Nông, lâm trường giao về cho địa phương quản lý, sử dụng giai đoạn 2015 – 2021

Giao Văn phòng rà soát, hoàn chỉnh lại dự thảo nghị quyết theo ý kiến góp ý của các đồng chí trong Thường trực HĐND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh thông qua tại Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7. Đồng chí Nguyễn Ngọc Khoa – Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh, Trưởng ban pháp chế HĐND tỉnh, thành viên Đoàn giám sát thông qua báo cáo tóm tắt kết quả giám sát tại kỳ họp.

4. Công tác chuẩn bị, tổ chức Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7 HĐND tỉnh

- Thời gian: Vào ngày 25 tháng 4 năm 2023 (Thứ 3).

- Về Chương trình kỳ họp: Thống nhất như dự kiến, giao Văn phòng rà soát, hoàn chỉnh phục vụ kỳ họp.

- Về công tác chuẩn bị nội dung: Để công tác chuẩn bị nội dung kỳ họp đạt chất lượng, chặt chẽ, kịp tiến độ theo kế hoạch đề ra, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh khẩn trương chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu xây dựng báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh và kết luận của Thường trực HĐND tỉnh gửi về HĐND tỉnh **chậm nhất ngày 23/4/2023** để đại biểu xem xét, quyết nghị; phối hợp rà soát, hoàn chỉnh các dự thảo nghị quyết đảm bảo chặt chẽ trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

Giao các Ban HĐND tỉnh chủ động phối hợp với các cơ quan soạn thảo, Sở Tư pháp khẩn trương rà soát toàn bộ nội dung các dự thảo nghị quyết trước khi trình kỳ họp.

Giao Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chủ trì, tham mưu phục vụ kỳ họp đảm bảo chu đáo, chặt chẽ, an toàn, đúng luật định.

5. Về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh do Đoàn ĐBQH tỉnh chủ trì

- Thường trực HĐND tỉnh thống nhất phân công các đồng chí sau tham gia Đoàn giám sát, gồm:

- + Đồng chí Mai Thị Xuân Trung – TUV, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;
- + Đồng chí Nguyễn Đình Đạo – Trưởng Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- + Đồng chí Lê Quốc Đông – Phó Trưởng Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- + Đồng chí Kiều Châu Loan – Phó Trưởng Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- + Đồng chí Vi Thị Thảo Quyên – Phó trưởng Ban Dân tộc HĐND tỉnh.

- Thư ký Đoàn giám sát: Giao Lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chủ trì và tổ chức thành lập Tổ giúp việc.

Trên đây là Thông báo kết luận Phiên họp thứ 29, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở, ngành: TC, KH&ĐT, NNPT&NT, TP;
- VP: Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- LĐ Phòng: CTHĐND, DN, HC-TC-QT;
- Lưu: VT, Phòng CT HĐND.

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Phan Quốc Lập